

Số: **31**/2021/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **11** tháng 5 năm 2021

HỒ SƠ TÀI LIỆU T.T. HUẾ	
Số: 629	Ngày: 18/5
Chuyên: Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2021.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP và các CV;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NV.



Phan Ngọc Thọ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Kèm theo Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND
ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn;
- b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.
- c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.

2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.

3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.

4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định tại Điều 8 Quy chế này. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì ghép vào thôn, tổ dân phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố.
2. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là hai năm sáu tháng (30 tháng). Trường hợp thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Thời hạn chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời không quá sáu (06) tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực;

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.
3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.
4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.
5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm); khi cần có thể họp bất thường. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì. Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.
2. Việc tổ chức đề Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của

Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định và thời gian đề nghị thành lập mới, sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép khu vực dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố

1. Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập thôn, tổ dân phố mới (gồm cả việc chia tách); quyết định sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố có quy mô lớn hơn thuộc từng xã, phường, thị trấn; quyết định giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố.

Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thời gian xem xét, thẩm định hồ sơ

Đối với hồ sơ đề nghị việc thành lập thôn, tổ dân phố mới (gồm cả việc chia tách); sáp nhập thôn, tổ dân phố để thành lập thôn, tổ dân phố có quy mô lớn hơn thuộc từng xã, phường, thị trấn; giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố: Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định 01 lần trong một năm. Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 01 tháng 10 hằng năm để thẩm định và trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định ghép khu vực dân cư mới hình thành vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Điều 8. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền địa phương ở cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

1. Quy mô số hộ gia đình:

- a) Thôn ở xã có từ 250 hộ gia đình trở lên;
- b) Thôn ở xã biên giới có từ 100 hộ gia đình trở lên;
- c) Tổ dân phố ở phường, thị trấn có từ 300 hộ gia đình trở lên;
- d) Tổ dân phố ở phường, thị trấn biên giới có từ 150 hộ gia đình trở lên.

2. Các điều kiện khác:

Có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

Điều 9. Điều kiện sáp nhập, giải thể; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Điều kiện sáp nhập, giải thể; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tại Điều 8 của Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;
- b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới;
- d) Các điều kiện khác quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Trên cơ sở văn bản chỉ đạo về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án triển khai thực hiện. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có;
- b) Dân số (số hộ, số nhân khẩu) của khu vực dân cư mới hình thành;
- c) Dân số (số hộ, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố hiện có;
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép khu vực dân cư;
- e) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép khu vực dân cư (bao gồm khu vực dân cư mới hình thành và thôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép khu vực dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ), gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã;
- c) Đề án ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố;
- d) Biên bản lấy ý kiến cử tri.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Phòng Nội vụ nghiên cứu, xây dựng báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thông qua và giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép khu vực dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC BẦU, MIỄN NHIỆM, BẮI NHIỆM TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Sửa đổi, bổ sung một số điều

của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 13. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 14. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 14/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Điều 13 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 15. Tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Tùy theo điều kiện của từng địa phương mà việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố hoặc tổ chức thành cuộc bầu cử riêng.

1. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức kết hợp tại hội nghị thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 8 hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN.

2. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức thành cuộc bầu cử riêng thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Quy chế này.

Điều 16. Nguyên tắc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức thành cuộc bầu cử riêng được tiến hành vào ngày Chủ nhật, theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

2. Thành phần cử tri tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình (gọi chung là cử tri tham gia bầu cử). Cử tri tham gia bầu cử là công dân có hộ khẩu thường trú tại thôn, tổ dân phố đủ 18 tuổi trở lên, trừ những người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo và những người mất năng lực hành vi dân sự.

3. Cử tri phải tự mình đi bầu, không được nhờ người khác bầu thay. Trường hợp ốm đau, già yếu không đi lại được thì Tổ bầu cử mang hòm phiếu phụ và phiếu bầu đến chỗ ở của cử tri để cử tri thực hiện việc bầu cử. Mỗi cử tri

chỉ bỏ một phiếu bầu.

Điều 17. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị Ban công tác để dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách những người dự kiến giới thiệu ra ứng cử (từ 1 đến 2 người). Thành phần hội nghị gồm cấp ủy chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố, trưởng các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố.

3. Chậm nhất là 12 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để công bố quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã về ngày tổ chức bầu cử; phổ biến kế hoạch tổ chức bầu cử, các điều kiện đảm bảo cho công tác bầu cử; Trưởng ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố phổ biến điều kiện, tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, báo cáo danh sách những người dự kiến giới thiệu ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để hội nghị thảo luận.

Tại hội nghị này cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố có trách nhiệm tiếp nhận ý kiến ứng cử hoặc ý kiến giới thiệu người ứng cử và tổng hợp, lập danh sách để hội nghị cử tri thảo luận thống nhất giới thiệu danh sách những người ứng cử. Những người được hội nghị cử tri giới thiệu ứng cử phải được trên 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị biểu quyết tán thành.

Sau hội nghị cử tri giới thiệu người ứng cử, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì tổ chức hội nghị để thảo luận và ấn định danh sách chính thức những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong số danh sách những người ứng cử do hội nghị cử tri giới thiệu. Thành phần hội nghị gồm: Bí thư Chi bộ hoặc cấp ủy chi bộ, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và các thành viên Ban công tác mặt trận ở thôn, tổ dân phố.

4. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập ở mỗi thôn, tổ dân phố một Tổ bầu cử từ 5 đến 7 người (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; Thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố, những người có tên trong danh sách ứng cử không được tham gia vào Tổ bầu cử) để thực hiện các nhiệm vụ:

a) Lập và niêm yết danh sách cử tri tham gia bầu cử, danh sách những người ứng cử;

b) Lập thẻ cử tri để phát cho cử tri tham gia bầu cử. Thẻ cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã ký và đóng dấu (mẫu thẻ cử tri áp dụng theo quy định về mẫu thẻ cử tri trong các cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp);

c) Nhận tài liệu và phiếu bầu từ Ủy ban nhân dân cấp xã để phát cho cử tri trong ngày bầu cử;

d) Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, danh sách những người ứng cử, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 5 ngày trước ngày bầu cử;

đ) Bố trí, trang trí phòng bỏ phiếu và chuẩn bị hòm phiếu;

e) Tổ chức ngày bầu cử theo đúng quy định;

g) Thực hiện việc kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu;

h) Tổng hợp và báo cáo kết quả bầu cử (kèm biên bản kết quả kiểm phiếu) đến Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; nộp các tài liệu bầu cử cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Các quyết định này phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố chậm nhất là 07 ngày trước ngày bầu cử.

6. Danh sách cử tri tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, sau khi Tổ bầu cử lập xong trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

7. Danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri tham gia bầu cử được niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, tổ dân phố chậm nhất là 05 ngày trước ngày bầu cử.

8. Việc bổ sung, sửa đổi những sai sót trong danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được thực hiện chậm nhất 24 giờ trước ngày bầu cử và phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

9. Tổ bầu cử chuẩn bị đủ phiếu bầu theo mẫu quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi khai mạc cuộc bỏ phiếu; niêm yết quy định về phiếu bầu hợp lệ, phiếu không hợp lệ tại khu vực bỏ phiếu và liên tục hướng dẫn để cử tri biết trong thời gian diễn ra bầu cử.

10. Những phiếu sau đây là phiếu không hợp lệ:

a) Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra;

b) Phiếu không đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Phiếu bầu cho 02 người trở lên;

d) Phiếu gạch xóa hết tên những người ứng cử;

đ) Phiếu ghi thêm tên người khác ngoài danh sách ứng cử.

Điều 18. Tổ chức ngày bầu cử, kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, báo cáo kết quả bầu cử và bầu cử lại Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Cuộc bỏ phiếu bắt đầu vào lúc 07 giờ và kết thúc vào lúc 12 giờ trưa cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định bắt đầu cuộc bỏ phiếu sớm hơn và kết thúc muộn hơn giờ quy định, nhưng không được bắt đầu trước 05 giờ và kết thúc quá 13 giờ cùng ngày. Trường hợp khi có 100% cử tri trong danh sách được niêm yết đi bỏ phiếu thì Tổ bầu cử có thể kết thúc cuộc bỏ phiếu sớm hơn.

2. Cuộc bỏ phiếu bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố quyết định ngày tổ chức bầu cử; thông qua nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

b) Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ứng cử.

c) Tổ bầu cử kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của cử tri.

d) Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu.

đ) Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong thùng phiếu và giấy tờ liên quan, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã biết, xử lý.

3. Việc kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện như sau:

a) Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc cuộc bỏ phiếu; mời đại diện cử tri (02 người) không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu.

b) Sau khi kiểm phiếu xong, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri tham gia bỏ phiếu; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố.

c) Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đạt số phiếu bầu cao nhất và trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách cử tri niêm yết.

d) Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử.

đ) Tổ trưởng Tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

4. Trường hợp cuộc bầu cử đầu tiên nếu số cử tri đi bỏ phiếu chưa được quá nửa số cử tri ghi trong danh sách hoặc kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong danh sách cử tri được niêm yết thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời hoạt động cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới theo quy định tại Điều này.

Điều 19. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 20. Quy trình miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, có thể được xem xét miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác (trường hợp theo nguyện vọng cá nhân, người xin miễn nhiệm phải có đơn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã). Trong các trường hợp đó, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra thông báo để tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

2. Trình tự, thủ tục miễn nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết Liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Điều 21. Quy trình bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố khi không còn được nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, thậm chí vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức độ bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị cử tri bãi nhiệm theo đề nghị của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp hoặc có ít nhất một phần ba tổng số cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định tổ chức hội nghị cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố để xem xét bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố chủ trì hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố) tham dự. Ngoài số cử tri thuộc thành phần dự hội nghị. Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố mời đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tham dự. Khách mời được phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

2. Trình tự Hội nghị bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tuyên bố lý do, mục đích, yêu cầu của hội nghị;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trình bày bản tự kiểm điểm của mình, trong đó nêu rõ khuyết điểm, nguyên nhân khách quan và chủ quan, các biện pháp khắc phục. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không tham dự hội nghị hoặc có tham dự nhưng không trình bày bản tự kiểm điểm thì người đưa ra đề xuất việc bãi nhiệm trình bày những khuyết điểm của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Hội nghị thảo luận, đóng góp ý kiến;

d) Hội nghị biểu quyết việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị quyết định. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu từ 03 đến 05 người để làm nhiệm vụ.

Trường hợp có trên 50% cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ) so với tổng số cử tri (hoặc cử tri đại diện hộ) trong toàn thôn, tổ dân phố tán thành việc bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thì Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố lập biên bản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, bãi nhiệm.

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố của Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới; trường hợp Ủy ban nhân

dân cấp xã không ban hành quyết định công nhận kết quả bầu nhiệm thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Việc bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới phải được tiến hành trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận kết quả bầu nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19 của Quy chế này.

Điều 22. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ: Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này. Hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này trên địa bàn.

b) Định kỳ, trước ngày 01 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện Quy chế này cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Quy chế này.

b) Quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định của Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn hoặc không phù hợp với thực tế cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung; các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.